

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 25/8/2025

V/v "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Thông

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Du và ông Nguyễn Văn Trình

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nguyên Khang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Thuận – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Thúy N** - sinh năm 1985; địa chỉ: Số B H, tổ B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. (Nay là số B H, phường H, thành phố Đà Nẵng), có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Trần Anh N1** - sinh năm 1984; địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: K T, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng (Nay là K T, phường T, thành phố Đà Nẵng).

(Bà N có mặt; ông Trần Anh N1 bị tuyên bố mất tích theo Quyết định số 06/2025/QĐST-DS ngày 28/3/2025 của Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2025, Bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Thúy N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: bà kết hôn với ông Trần Anh N1 vào ngày 13/7/2006, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (nay là phường T, thành phố Đà Nẵng), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì giữa vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn rất nhiều nên bà đưa con chung về nhà

cha mẹ ruột tại Liên Chiểu sinh sống còn ông N1 vẫn ở cùng mẹ là bà Trần Thị N2 tại nhà K T, tổ C, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vì không còn tình cảm và thời gian sống ly thân đã quá lâu, cũng được biết ông đã bán nhà đi khỏi địa phương đến nay không biết tin tức ở đâu, làm gì dù bà đã tìm cách liên lạc nhiều lần. Ngày 28 tháng 3 năm 2025, Toà án nhân dân quận Thanh Khê (*nay là Toà án nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng*) đã tuyên bố ông Trần Anh N1 mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 06/2025.QĐST-DS. Do vậy, bà khởi kiện yêu cầu Toà án cho bà được ly hôn với ông Trần Anh N1.

+ Về con chung: Bà Phạm Thị Thúy N xác định, trong thời kỳ hôn nhân bà và ông Trần Anh N1 có 01 con chung tên là Trần Phạm Anh N3, sinh ngày 19/11/2006 (CCCD số: 048206007890, cấp ngày 11/8/2021). Cháu N3 đã đủ 18 tuổi nên bà N không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng đã tiến hành thủ tục niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho ông Trần Anh N1 đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông Trần Anh N1 đều vắng mặt.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 3 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

Thống nhất về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Thúy N

+ Về con chung: Bà Phạm Thị Thúy N và ông Trần Anh N1 có một con chung tên là Trần Phạm Anh N3, sinh ngày 19/11/2006. Cháu N3 đã đủ 18 tuổi nên không đề cập giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị Thúy N có đơn khởi kiện về việc ly hôn đối với ông Trần Anh N1. Bị đơn là ông Trần Anh N1 bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tuyên bố mất tích theo quyết định số 06/2025/QĐST-DS ngày 28/3/2025, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng của ông Trần

Anh N1 tại địa chỉ K T, tổ C phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng (nay là K T, phường T, thành phố Đà Nẵng). Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Anh N1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thúy N và ông Trần Anh N1 kết hôn với nhau vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (nay là phường T, thành phố Đà Nẵng). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện cũng như thủ tục theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Phạm Thị Thúy N vẫn cương quyết xin được ly hôn. Theo bà N, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà và ông Nam tính T không hợp, bất đồng quan điểm sống nên chỉ chung sống với nhau một thời gian ngắn sau khi kết hôn. Sau đó, bà và ông Trần Anh N1 sống ly thân với nhau từ năm 2008. Đến nay, bà N nhận thấy không còn tình cảm với ông N1, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông N1. Hiện nay, ông Trần Anh N1 bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tuyên bố mất tích theo quyết định số 06/2025/QĐST-DS ngày 28/3/2025. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông N1. Tuy nhiên, ông N1 vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hoà giải các vấn đề có tranh chấp trong vụ án được.

Hội đồng xét xử xét thấy, lời trình bày của bà Phạm Thị Thúy N4 về tình trạng hôn nhân giữa bà và ông Trần Anh N1 là có cơ sở, phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương nơi bà N4 cư trú. Do vậy, cần áp dụng Khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Thúy N đối với ông Trần Anh N1.

[3.2] Về con chung: Bà Phạm Thị Thúy N và ông Trần Anh N1 có một con chung tên là Trần Phạm Anh N3, sinh ngày 19/11/2006 (CCCD số: 048206007890, cấp ngày 11/8/2021). Cháu N3 đã đủ 18 tuổi có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không đề cập giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Thúy N xác định không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4]. Về án phí: Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Phạm Thị Thúy N phải chịu;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của bà Phạm Thị Thúy N đối với ông Trần Anh N1.

Xử :

1. *Về hôn nhân*: Xử cho bà Phạm Thị Thúy N được ly hôn với ông Trần Anh N1.

2. *Về con chung*: Bà Phạm Thị Thúy N5 và ông Trần Anh N1 có một con chung tên là Trần Phạm Anh N3, sinh ngày 19/11/2006 (CCCD số: 048206007890, cấp ngày 11/8/2021). Cháu N3 đã đủ 18 tuổi nên không đề cập giải quyết.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Tòa án không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4. *Về án phí*: Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm Phạm Thị Thúy N phải chịu là 300.000 đồng; nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp tại biên lai thu số 0006369 ngày 21/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3), thành phố Đà Nẵng. Bà N đã nộp đủ tiền án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 3;
 - Phòng THADS khu vực 3;
 - Những người tham gia tố tụng;
 - UBND P. Thanh Khê
- GCKNH số 84 ngày 13/7/2006;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Minh Thông

